

Số: 390/QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp sinh viên khóa 2020CĐLT (20C2) và
CĐLT khóa cũ (Đợt xét tháng 07/2022)**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 26/QĐ-LTT-TC ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 573/QĐ-LTT-ĐT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-LTT-ĐT ngày 07 tháng 5 năm 2021 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đào tạo 713;

Căn cứ biên bản buổi họp xét công nhận tốt nghiệp cao đẳng ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên trình độ Cao đẳng, Trung cấp năm học 2021 - 2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh - Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp cao đẳng, hệ chính quy cho 143 sinh viên của các khóa, cụ thể như sau:

1. Khóa 2020 CĐLT (20C2) : 140 sinh viên
 2. Các khóa CĐLT khóa cũ : 03 sinh viên
- (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp, đã nộp chứng chỉ Tin học và ngoại ngữ theo quy định được cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các sinh viên có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TS-ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Văn Đệ

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG, HỆ CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số 390/QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 7 năm 2022
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										TH	AV
1	20006133	Huỳnh Tấn	Đạt	Nam	03/11/2002	Vĩnh Long	20C2-CCK1	7.85	Khá	A	B
2	20006122	Phạm Võ Phương	Hùng	Nam	29/10/2002	Tp.HCM	20C2-CCK1	7.67	Khá		
3	20006143	Chao Nhuận	Phát	Nam	24/06/2002	Tp.HCM	20C2-CCK1	7.66	Khá		
4	20006167	Nguyễn Hoàng	Phú	Nam	21/11/2002	Tp.HCM	20C2-CCK1	7.28	Khá		
5	20006165	Chưống Thiết	Thắng	Nam	29/07/2001	Tp.HCM	20C2-CCK1	7.30	Khá		B
6	20005688	Lư Quý	An	Nam	26/01/2002	Tp.HCM	20C2-CKL1	7.07	Khá	A	B
7	20005687	Nguyễn Ngọc	Ấn	Nam	19/03/1996	Trà Vinh	20C2-CKL1	7.09	Khá	A	B
8	20005690	Trần Thanh Thiên	Đại	Nam	04/01/1997	Đồng Nai	20C2-CKL1	7.37	Khá		B
9	20006664	Đoàn Thành	Đạt	Nam	05/11/2002	Tp.HCM	20C2-CKL1	7.2	Khá		B
10	20006712	Trần Xuân	Giang	Nam	20/01/1994	Tây Ninh	20C2-CKL1	7.56	Khá		B
11	20005816	Viên Ngọc	Hào	Nam	27/10/2002	Tp.HCM	20C2-CKL1	6.65	Trung bình	A	B
12	20006430	Lê Minh	Hiếu	Nam	08/11/2002	Tp.HCM	20C2-CKL1	7.28	Khá	A	B
13	20005236	Võ Quốc	Hùng	Nam	27/09/2002	Tp.HCM	20C2-CKL1	7.26	Khá	A	B
14	20004431	Hà Thành	Nam	Nam	24/10/2002	Long An	20C2-CKL1	6.52	Trung bình		B
15	20006434	Nguyễn Sỹ	Tài	Nam	31/8/2002	Tp.HCM	20C2-CKL1	6.33	Trung bình	A	
16	20006665	Trần Cao Hoàng	Thông	Nam	21/05/2002	Tp.HCM	20C2-CKL1	6.42	Trung bình		B
17	20003258	Tào Viễn	Dũng	Nam	22/08/2001	Tp.HCM	20C2-CNL1	7.29	Khá		
18	20003257	Đào Anh	Duy	Nam	04/12/2001	Tp.HCM	20C2-CNL1	7.12	Khá		
19	20006180	Nguyễn Văn	Duy	Nam	16/02/1998	Nam Định	20C2-CNL1	6.46	Trung bình	A	
20	20006184	Trần Trung	Hiếu	Nam	09/05/2001	Tp.HCM	20C2-CNL1	6.47	Trung bình	A	B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										TH	AV
21	20006196	Văn Quốc	Hùng	Nam	15/08/1995	Tp.HCM	20C2-CNL1	7.41	Khá	A	B
22	20006194	Nguyễn Trung	Nghĩa	Nam	06/02/2002	Tp.HCM	20C2-CNL1	7.29	Khá	A	B
23	20003256	Nguyễn Thành	Nhơn	Nam	06/06/2001	Tp.HCM	20C2-CNL1	6.68	Trung bình		
24	20006183	Nguyễn Lê Hoàng	Son	Nam	04/12/2002	Tp.HCM	20C2-CNL1	6.81	Trung bình	A	B
25	20006195	Nguyễn Lê Tấn	Tài	Nam	04/04/1995	Tp.HCM	20C2-CNL1	7.64	Khá	A	B
26	20005109	Nguyễn Tấn	Tài	Nam	12/05/1992	Tiền Giang	20C2-CNL1	7.49	Khá	A	B
27	20006247	Phạm Võ Thùy	Nhiên	Nữ	16/10/2002	Tp.HCM	20C2-CNM1	7.79	Khá	A	B
28	20006237	Nguyễn Võ Anh	Thư	Nữ	24/11/2002	Tp.HCM	20C2-CNM1	7.51	Khá	A	B
29	20006252	Đỗ Thị Kim	Tuyến	Nữ	05/8/2000	Phú Thọ	20C2-CNM1	7.5	Khá	A	B
30	20006238	Võ Thị Thúy	Vân	Nữ	15/01/2002	Trà Vinh	20C2-CNM1	7.5	Khá		B
31	20005675	Lê Đình	An	Nam	22/02/1999	Hà Tĩnh	20C2-CNÔ1	7.95	Khá		B
32	20004439	Trần Nguyễn Anh	Bằng	Nam	20/05/2001	Tp.HCM	20C2-CNÔ1	6.62	Trung bình		
33	20004401	Đoàn Lê Chí	Bảo	Nam	15/02/2002	Tp.HCM	20C2-CNÔ1	6.6	Trung bình		B
34	20000304	Nguyễn Tô Thành	Đạt	Nam	05/11/2002	Tp.HCM	20C2-CNÔ1	6.77	Trung bình	A	B
35	20004291	Trần Bùi Thành	Đạt	Nam	06/07/2002	Tp.HCM	20C2-CNÔ1	7.07	Khá	A	B
36	20000303	Nguyễn Tâm	Đức	Nam	08/10/2002	Tp.HCM	20C2-CNÔ1	6.7	Trung bình	A	B
37	20004339	Nguyễn Quốc	Hải	Nam	27/01/2002	Tp.HCM	20C2-CNÔ1	6.87	Trung bình		B
38	20005725	Phan Phi	Hải	Nam	10/08/2002	Tp.HCM	20C2-CNÔ1	6.85	Trung bình		
39	20005671	Lê Minh	Hậu	Nam	01/07/2002	Tp.HCM	20C2-CNÔ1	7.37	Khá	A	
40	20003540	Nguyễn Quốc	Hiệp	Nam	08/08/2002	Tp.HCM	20C2-CNÔ1	6.55	Trung bình		
41	20004975	Nguyễn Văn Tuấn	Kiệt	Nam	30/10/2002	Tp.HCM	20C2-CNÔ1	7.52	Khá	A	B
42	20005410	Nguyễn Văn	Khánh	Nam	11/01/1994	Hậu Giang	20C2-CNÔ1	7.66	Khá		B
43	20005299	Phạm Nhật	Linh	Nam	03/12/2002	Tp.HCM	20C2-CNÔ1	6.61	Trung bình		B
44	20007959	Hoàng	Long	Nam	12/02/2002	Hà Nội	20C2-CNÔ1	6.98	Trung bình	A	
45	20004438	Lư Nguyễn Anh	Minh	Nam	07/11/2001	Tp.HCM	20C2-CNÔ1	7.07	Khá	A	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										TH	AV
46	20005291	Nguyễn Văn	Phương Nam	Nam	03/04/2002	Tp.HCM	20C2-CNÔ1	6.96	Trung bình		B
47	20002611	Trần Xuân	Nghi	Nam	15/06/1989	Bến Tre	20C2-CNÔ1	8.13	Giỏi	A	B
48	20005542	Lê Tấn	Sang	Nam	04/06/2002	Long An	20C2-CNÔ1	6.7	Trung bình	A	B
49	20005113	Phan Nguyễn	Trung Thành	Nam	06/07/2002	Tp.HCM	20C2-CNÔ1	7.91	Khá	A	
50	20005821	Võ Vĩnh	Thịnh	Nam	02/12/2002	Đồng Tháp	20C2-CNÔ1	7.36	Khá		B
51	20004892	Lưu Nguyễn	Minh Thông	Nam	01/01/2002	Tp.HCM	20C2-CNÔ1	6.7	Trung bình		
52	20003176	Nguyễn Đức	Thuận	Nam	01/12/2001	Hà Nội	20C2-CNÔ1	8.32	Giỏi	A	B
53	20003203	Nguyễn Trung	Tính	Nam	21/06/2002	Tp.HCM	20C2-CNÔ1	7.13	Khá		B
54	20007609	Lê Nhật	Trường	Nam	01/01/1984	Khánh Hoà	20C2-CNÔ1	6.46	Trung bình	A	B
55	20006579	Nguyễn Hoàng	Thế Bảo	Nam	22/8/2002	Đồng Nai	20C2-CNÔ2	7.23	Khá	A	B
56	20006584	Đỗ Thế	Châu	Nam	28/04/1995	Bình Định	20C2-CNÔ2	6.91	Trung bình	A	
57	20006542	Lưu Chánh	Dương	Nam	17/04/2001	Tp.HCM	20C2-CNÔ2	7.31	Khá	A	B
58	20006578	Lương Quốc	Duy	Nam	20/4/2002	Tp.HCM	20C2-CNÔ2	7.13	Khá	A	B
59	20006589	Vũ Hoàng	Hiệp	Nam	22/07/2002	Tp.HCM	20C2-CNÔ2	7.25	Khá	A	
60	20006573	Diệp Nguyễn	Hung	Nam	06/12/2002	Vĩnh Long	20C2-CNÔ2	6.44	Trung bình		
61	20006563	Trịnh Duy	Khang	Nam	30/10/2002	Tp.HCM	20C2-CNÔ2	7.59	Khá		
62	20006559	Trương Thanh	Nhân	Nam	14/04/1999	Tp.HCM	20C2-CNÔ2	7.85	Khá	A	B
63	20006562	Trần Nguyễn	Ga Ni	Nam	11/12/2002	Tp.HCM	20C2-CNÔ2	6.26	Trung bình		
64	20006556	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	22/09/2002	Tp.HCM	20C2-CNÔ2	6.6	Trung bình	A	
65	20006544	Phạm Nhữ	Quang	Nam	22/04/2002	Tp.HCM	20C2-CNÔ2	7.29	Khá	A	B
66	20006619	Khuru Lễ	Quý	Nam	22/09/1998	Tp.HCM	20C2-CNÔ2	7.37	Khá	A	B1
67	20006549	Danh Hoàng	Thắng	Nam	15/02/2002	Kiên Giang	20C2-CNÔ2	6.85	Trung bình	A	
68	20006552	Bùi Trung	Tiến	Nam	09/02/2002	Tp.HCM	20C2-CNÔ2	6.68	Trung bình	A	B
69	20006564	Trần Anh	Tiến	Nam	19/11/2002	Tp.HCM	20C2-CNÔ2	6.46	Trung bình	A	
70	20006543	Đỗ Vi Ngọc	Vũ	Nam	01/11/2002	Kon Tum	20C2-CNÔ2	6.9	Trung bình		B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										TH	AV
71	20006603	Nguyễn Hữu Thái	Châu	Nam	26/01/2002	Tp.HCM	20C2-CNÔ3	7.33	Khá		
72	20006594	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	04/12/2002	Tp.HCM	20C2-CNÔ3	6.59	Trung bình		
73	20006605	Hoàng Đình	Dũng	Nam	17/11/2002	Tp.HCM	20C2-CNÔ3	6.8	Trung bình		
74	20006624	Nguyễn Hoàng Gia	Hưng	Nam	11/10/2002	Tp.HCM	20C2-CNÔ3	6.66	Trung bình		B
75	20006610	Đỗ Hoàng	Long	Nam	06/4/2002	Tp.HCM	20C2-CNÔ3	7.22	Khá	A	B
76	20006633	Đỗ Văn	Minh	Nam	18/4/2002	Đồng Tháp	20C2-CNÔ3	7.35	Khá	A	B
77	20006611	Nguyễn Duy	Nghĩa	Nam	08/04/2002	Tp.HCM	20C2-CNÔ3	6.63	Trung bình		B
78	20006615	Nguyễn Thành	Tâm	Nam	06/10/2002	Tp.HCM	20C2-CNÔ3	6.47	Trung bình	A	
79	20006613	Nguyễn Tuấn	Việt	Nam	15/01/2002	Thái Bình	20C2-CNÔ3	7.42	Khá	A	
80	20006202	Phan Nguyễn Gia	Khánh	Nam	25/6/2002	Tp.HCM	20C2-ĐĐT1	6.3	Trung bình		
81	20006200	Lê Đăng	Khoa	Nam	28/9/2002	Tp.HCM	20C2-ĐĐT1	6.93	Trung bình		B
82	20006203	Thái Trường	Luân	Nam	10/05/2002	Tp.HCM	20C2-ĐĐT1	6.27	Trung bình		B
83	20006485	Lê Nguyễn Hoàng	Nam	Nam	21/09/1999	Bình Phước	20C2-ĐĐT1	6.56	Trung bình		
84	20006223	Trần Nguyễn Thành	Ngữ	Nam	02/06/2002	Bà Rịa - Vũng Tàu	20C2-ĐĐT1	7.07	Khá		
85	20005879	Bùi Thiện	Toàn	Nam	28/07/1995	Tp.HCM	20C2-ĐĐT1	7.51	Khá		
86	20006458	Nguyễn Trọng	Hiếu	Nam	20/01/2002	Tp.HCM	20C2-LĐL1	6.37	Trung bình		
87	20006470	Hồ Đình	Hoàng	Nam	07/07/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	20C2-LĐL1	5.65	Trung bình	A	
88	20006446	Nguyễn Phước	Huy	Nam	12/12/2002	Tp.HCM	20C2-LĐL1	6.14	Trung bình		
89	20006467	Đỗ Văn	Khải	Nam	17/11/2002	Tp.HCM	20C2-LĐL1	6.6	Trung bình	A	B
90	20006447	Nguyễn Hữu	Khang	Nam	12/10/2002	Tp.HCM	20C2-LĐL1	6.42	Trung bình	A	
91	20006480	Nguyễn Hoàng	Luân	Nam	20/07/2002	Tp.HCM	20C2-LĐL1	7.04	Khá	A	
92	20006462	Nguyễn Văn	Nghĩa	Nam	08/09/2002	Tp.HCM	20C2-LĐL1	6.63	Trung bình	A	B
93	20006454	Phạm Duy	Tân	Nam	18/11/2002	Tp.HCM	20C2-LĐL1	6.54	Trung bình		
94	20006455	Lê Tự Việt	Thanh	Nam	17/12/2002	Tp.HCM	20C2-LĐL1	7.22	Khá	A	B
95	20006456	Lê Minh	Trường	Nam	27/04/2002	Tp.HCM	20C2-LĐL1	6.45	Trung bình		

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										TH	AV
96	20006450	Trần Thanh Văn	Truyền	Nam	03/05/2002	Tp.HCM	20C2-LĐL1	6.49	Trung bình		
97	20006318	Mai Hồ Hải	Đăng	Nam	09/09/2002	Tp.HCM	20C2-CMT1	6.59	Trung bình		
98	20006311	Nguyễn Đỗ Thành	Danh	Nam	07/1/2002	Tp.HCM	20C2-CMT1	8.03	Giỏi		
99	20006313	Trần Thành	Đạt	Nam	08/12/2002	Tp.HCM	20C2-CMT1	7.04	Khá		
100	20006320	Lê Thanh	Nhân	Nam	12/09/2002	Tp.HCM	20C2-CMT1	7.51	Khá		
101	20006312	Mai Đỗ Thành	Nhân	Nam	01/12/2002	Tp.HCM	20C2-CMT1	7.87	Khá		B
102	20004671	Nguyễn Công Phương	Toàn	Nam	08/11/2002	Tp.HCM	20C2-CMT1	6.49	Trung bình		
103	20006352	Lâm Gia	Bảo	Nam	13/10/2001	Tp.HCM	20C2-LTM1	8.23	Giỏi		B
104	20006333	Trần Trịnh Quốc	Bảo	Nam	15/11/2002	Tp.HCM	20C2-LTM1	6.88	Trung bình		B
105	20006348	Huỳnh Minh	Đạo	Nam	24/10/2002	Tp.HCM	20C2-LTM1	7.00	Khá		B
106	20006331	Lê Chí	Hung	Nam	07/5/2002	Tp.HCM	20C2-LTM1	7.02	Khá		B
107	20006340	Phan Viết	Lanh	Nam	27/09/2001	Thừa Thiên -Huế	20C2-LTM1	6.40	Trung bình		
108	20006327	Trần Quang	Linh	Nam	24/09/2002	Tp.HCM	20C2-LTM1	7.41	Khá		B
109	20006355	Phạm Minh	Phát	Nam	28/05/2001	Tp.HCM	20C2-LTM1	8.04	Giỏi		B
110	20006347	Nguyễn Tùng	Sơn	Nam	29/03/2002	Kiên Giang	20C2-LTM1	7.77	Khá		B
111	20006353	Nguyễn Tấn	Tài	Nam	29/04/2002	Tp.HCM	20C2-LTM1	7.00	Khá		B
112	20006339	Hồ Văn	Tiến	Nam	13/03/2002	Tp.HCM	20C2-LTM1	6.99	Trung bình		B
113	20006328	Lê Trung	Tính	Nam	30/8/2002	Tp.HCM	20C2-LTM1	6.37	Trung bình		B
114	20006345	Bùi Quang	Trường	Nam	20/01/2001	Tp.HCM	20C2-LTM1	7.43	Khá		B
115	20006000	Nguyễn Tấn	Bửu	Nam	28/12/2002	Bình Định	20C2-QTM1	7.90	Khá		B
116	20005638	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	23/08/2001	Tp.HCM	20C2-QTM1	6.82	Trung bình		
117	20006026	Nguyễn Đại	Lộc	Nam	04/10/2002	Tp.HCM	20C2-QTM1	6.32	Trung bình		
118	20006003	Trần Đình	Lộc	Nam	16/04/2001	Tp.HCM	20C2-QTM1	6.99	Trung bình		B
119	20006014	Nguyễn Huỳnh Thế	Phong	Nam	16/05/2002	Tp.HCM	20C2-QTM1	7.90	Khá		B
120	20007600	Nguyễn Lê Ái	Phúc	Nữ	28/08/2001	Tp.HCM	20C2-QTM1	6.57	Trung bình		B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										TH	AV
121	20007589	Trần Anh	Quân	Nam	30/07/2001	Tp.HCM	20C2-QTM1	5.82	Trung bình		
122	20006012	Nguyễn Quốc Linh	Quang	Nam	12/06/2002	Tp.HCM	20C2-QTM1	8.94	Giỏi		B
123	20006038	Đặng Nguyễn Minh	Thái	Nam	29/12/2000	Tp.HCM	20C2-QTM1	8.39	Giỏi		B
124	20002838	Nguyễn Tất	Trí	Nam	23/10/2002	Tp.HCM	20C2-QTM1	7.82	Khá		
125	20006015	Liêu Nguyễn Bá	Vương	Nam	08/05/2002	Tp.HCM	20C2-QTM1	7.42	Khá		B
126	20006287	Huỳnh Thị Huệ	An	Nữ	16/09/2002	Tp.HCM	20C2-THU1	6.93	Trung bình		
127	20006284	Lê Phạm Quốc	An	Nam	08/11/2002	Tp.HCM	20C2-THU1	6.7	Trung bình		
128	20006300	Lê Phan Thanh	Bình	Nam	29/06/2002	Tp.HCM	20C2-THU1	8.71	Giỏi		
129	20006288	Dương Khánh	Linh	Nữ	01/7/2002	Tp.HCM	20C2-THU1	8.06	Giỏi		
130	20006302	Nguyễn Thị Yến	Hương	Nữ	29/11/2002	Tp.HCM	20C2-THU1	7.13	Khá		
131	20006296	Lê Minh	Nhật	Nam	06/12/2000	Tp.HCM	20C2-THU1	6.03	Trung bình		
132	20006295	Nguyễn Minh	Nhật	Nam	07/06/2002	Đồng Nai	20C2-THU1	8.47	Giỏi		
133	20006262	Châu Trần Kiến	Phú	Nam	07/06/2002	Tp.HCM	20C2-THU1	7.71	Khá		
134	20006261	Tạ Khang	Thái	Nam	23/6/2002	Tp.HCM	20C2-THU1	8	Giỏi		
135	20006294	Trần Kiến	Thành	Nam	01/06/2001	Tp.HCM	20C2-THU1	7.3	Khá		
136	20006285	Võ Thị Thu	Thảo	Nữ	26/02/2001	Đồng Nai	20C2-THU1	6.19	Trung bình		
137	20006267	Nguyễn Hoàng	Thông	Nam	10/08/2002	Tp.HCM	20C2-THU1	7.87	Khá		
138	20006297	Lê Nguyễn Thảo	Yến	Nữ	25/12/2002	Tp.HCM	20C2-THU1	6.71	Trung bình		
139	20006376	Ngô Việt	Hoàng	Nam	25/10/2001	Tp.HCM	20C2-TKW1	6.48	Trung bình		
140	20006369	Nguyễn Tiến	Phát	Nam	31/03/2002	Tp.HCM	20C2-TKW1	6.33	Trung bình		
141	20005423	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	Nữ	17/01/2002	Tp.HCM	20C2-KTD1	6.22	Trung bình		
142	19004456	Thân Tấn	Phát	Nam	29/12/2001	Tp.HCM	19C2-ĐĐT1	6.40	Trung bình		B
143	19005003	Nguyễn Dương Thế	Son	Nam	23/02/2000	Tp.HCM	19C2-ĐĐT1	5.86	Trung bình		B

Tổng cộng danh sách có 143 sinh viên

- **Giỏi:** 11 7.69%
- **Khá:** 64 44.76%
- **Trung bình:** 68 47.55%

